TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Dũng.

2. Bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: tổ 31, ấp Cẩm B, xã Cẩm G, huyện GD, tỉnh TN; Tạm trú: Khu Công Nghiệp Thành C ngụ tại xã An H, huyện TB, tỉnh TN.

2. Bị đơn: *Ông Bùi Quang N, sinh năm: 1982.*

Địa chỉ: tổ 31, ấp Cẩm B, xã Cẩm G, huyện GD, tỉnh TN.

Chị T và anh N đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Bùi Quang N chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không có tổ chức lễ cưới, có làm lễ tuyên bố giữa hai gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm G, huyện GD, tỉnh TN. Qua thời gian sống cùng nhau đến năm

2007 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường cải vả lẫn nhau không cùng quan điểm sống, anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, thường bỏ nhà đi uống rượu cùng bè bạn, khi về nhà thì gây sự với chị, la mắng chị, rồi đánh chị, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không nghe mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 9 năm 2018 chị dọn đồ về sinh sống cùng cha mẹ ruột, sau đó chị chuyển đi làm ăn xa và hiện đang là Công nhân khu công nghiệp Thành C ngụ tại xã An H, huyện TB, tỉnh TN; chị sinh sống và ở trọ tại nơi làm, từ đó đến nay vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu được ly hôn cùng anh N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Bùi Anh K, sinh ngày 03/7/2006. Hiện tại con đang ở cùng ông bà Ngoại ngụ tại tổ 31, ấp Cẩm B, xã Cẩm G, huyện GD, tỉnh TN (gần nhà anh N) đang ở. Trước đây tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi con chung; quá trình Tòa án giải quyết chị thay đổi yêu cầu lại là nay chị đồng ý giao con chung Bùi Anh K cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Lý do vì chị bận đi làm Công nhân không có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 21/6/2019 bị đơn anh Bùi Quang N trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T về hôn nhân và con chung là đúng. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh lỗi thuộc về chị T, do chị T thay đổi tính tình, ham chơi không quan tâm đến anh và con, từ đó vợ chồng thường hay cải vã lẫn nhau, mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến tháng 9 năm 2018 chị T bỏ anh tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống không ở chung cùng anh nữa, từ đó đến nay vợ chồng ly thân, anh có đến gặp và gọi chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn cùng anh anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Bùi Anh K, sinh ngày 03/7/2006. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không có yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Bùi Quang N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N, anh chị thống nhất giao con chung cho anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Bùi Anh K, sinh ngày 03-7-2006. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn anh Bùi Quang N đều có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Bùi Quang N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Nkhông hạnh phúc; chị T thì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2007, lỗi thuộc về anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, thường hay bỏ nhà đi uống rượu, lúc về chưởi mắng và đánh chị. Ngược lại anh N cho rằng lỗi thuộc về chị T do chị T ham chơi không quan tâm chăm sóc chồng con, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và chị T tự ý bỏ nhà ra đi, về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn cùng chị.

Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh N bất đồng quan điểm sống kéo dài, không ai quan tâm đến ai, đã ly thân thời gian dài nhưng không hàn gắn được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Anh K, sinh ngày 03-7-2006, chị T và anh N thống nhất giao con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81; 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Bùi Quang N.

Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Bùi Quang N.

2. Về con chung: Giao anh Nđược quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Anh K, sinh ngày 03-7-2006. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ – ST. Ghi nhận chị T đã nộp xong 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009239 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- UBND xã Cẩm G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Vĩ Lê